

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1208/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 05 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 25.000 m³/năm lên 50.000 m³/năm (đá ở thể địa chất) của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4602/STNMT-CCBVMТ ngày 25/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất khai thác từ 25.000 m³/năm lên 50.000 m³/năm (đá ở thể địa chất) của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 25.000 m³/năm lên 50.000 m³/năm (đá ở thể địa chất) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/VB-ĐB ngày 25/3/2024 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 386/TTr-STNMT ngày 03/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 25.000 m³/năm lên 50.000 m³/năm (đá ở thể địa chất) (sau

đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường dự án khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Bình Định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG, CÔNG SUẤT TỪ
25.000 M³/NĂM LÊN 50.000 M³/NĂM (ĐÁ Ở THỂ ĐỊA CHẤT)
TẠI NÚI SƠN TRIỀU, PHƯỜNG NHƠN HÒA, THỊ XÃ AN NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ
XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 25.000 m³/năm lên 50.000 m³/năm (đá ở thể địa chất).

- Địa điểm thực hiện: núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: Lô OTM12, OTM13, Khu Đô thị Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0914061804 (Bà Đoàn Thị Minh Thọ, Chức vụ: Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 3,0 ha.

- Tuổi thọ mỏ: 08 năm, bao gồm thời gian phục hồi môi trường.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 07h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Công suất khai thác và chế biến:

+ Sản phẩm chính: 50.000 m³ đá địa chất/năm; tương đương 73.750 m³ đá nguyên khai/năm; công suất sau chế biến tương đương là 64.273 m³ đá thành phẩm/năm.

+ Sản phẩm phụ (năm cao nhất): 6.687 m³ đất/năm (phát sinh trong 03 năm đầu khai thác).

1.3. Phương pháp khai thác và chế biến

- Phương pháp khai thác: Khai thác theo lớp bằng hướng từ trên xuống với chiều cao tầng kết thúc khai thác là 10m; cos kết thúc khai thác tại cos +20m. Sử dụng công nghệ khoan nổ mìn, kết hợp xúc bốc và vận chuyển. Mở

moong khai thác đồng thời tại 02 vị trí phía Tây (gần điểm góc số 4) tại cos +45m và phía Đông Nam (gần điểm góc số 2) tại cos +55m. Khai thác và san gạt, trồng cây xanh phục môi trường sau khi kết thúc khai thác toàn bộ dự án.

- Phương pháp chế biến: Đá nguyên khai sau nổ mìn được xúc bốc lên ô tô, vận chuyển từ sườn tầng khai thác → Trạm nghiền sàng → Sản phẩm (đá xay nghiền).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hạng mục công trình chính: 01 trạm nghiền sàng với công suất thiết kế 100 tấn/giờ; nhà điều hành kết hợp với nhà nghỉ công nhân; nhà kho kết hợp sửa chữa nhỏ; nhà để xe; trạm biến áp; tuyến đường tạm trong mỏ,...

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Nhà vệ sinh (có bể tự hoại).

+ Kho chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

+ 01 hồ lắng thứ cấp phía Đông Nam dự án; 01 hố giảm tốc phía Tây Bắc trạm nghiền; 01 hồ lắng phía Tây dự án.

- Các hoạt động của dự án:

+ Bốc đất tầng phủ.

+ Phát quang cây rừng và cây bụi hiện trạng.

+ Xây dựng, nâng cấp các công trình phục vụ hoạt động của dự án (các hạng mục công trình chính, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường nêu trên).

+ Khai thác (sử dụng khoan, vật liệu nổ).

+ Chế biến (nghiền, sàng).

+ Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

+ Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động khai thác đá gây nguy cơ sạt lở, gây sa bồi, thủy phá vùng hạ lưu; phát sinh nước thải (do nước mưa cuốn theo đất, đá thải) và tiếng ồn (do nổ mìn).

- Bãi lưu chứa đất tầng phủ, bãi chứa đá thành phẩm có khả năng gây cản trở dòng chảy, sạt lở, sa bồi vùng hạ lưu.

- Bụi, ồn, khí thải từ hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển.

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt (chất thải rắn và nước thải).

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị vận chuyển, khai thác và chế biến đá gây phát sinh chất thải công nghiệp và nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải; bụi, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: khoảng 1,76 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

+ Nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, bùn (được tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 12.444 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 13,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

+ Chất thải rắn sản xuất: Đất bóc tầng phủ được tính cho năm cao nhất khoảng 6.687 m³/năm (phát sinh trong 03 năm đầu khai thác), đá bụi khoảng 3.688 m³/năm (phát sinh trong quá trình chế biến đá).

- Chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

+ Chất thải nguy hại:

Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06), khối lượng phát sinh khoảng 2,0 kg/năm, trạng thái rắn.

Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn (mỡ thải) (Mã chất thải: 17 02 03), khối lượng phát sinh khoảng 80 kg/năm, trạng thái lỏng.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Bao bì nhựa cứng thải (Mã chất thải: 18 01 03), khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/năm, trạng thái rắn.

Bao bì kim loại cứng thải (Mã chất thải: 18 01 02), khối lượng phát sinh khoảng 20 kg/năm, trạng thái rắn.

Hộp mực in thải bỏ (Mã chất thải: 08 02 04), khối lượng phát sinh khoảng 2 kg/năm, trạng thái rắn.

Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01), khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm, trạng thái rắn.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển đá.

3.5. Các tác động khác: nguy cơ xói mòn, sạt lở đất, đá do quá trình khai

thác, chế biến đá và phát quang cây rừng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Đối với nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn:

- Hệ thống thu gom, thoát nước: Tận dụng các rãnh thoát nước hiện trạng trong khu vực dự án dẫn nước về hồ lắng; hệ thống mương hở thoát hai bên tuyến đường vận chuyển, kích thước (0,5m×0,5m), dài khoảng 1.100 m; hệ thống mương hở từ hồ lắng thứ cấp đến hồ lắng phía Tây, kích thước (2,0m x 1,0m), dài khoảng 90 m; hệ thống kè chắn phía Nam dự án, kích thước (0,5m x 0,5m), dài khoảng 50 m; Cống ngầm qua đường (20 cống ngầm, đường kính 400mm, dài 2,5 m); hệ thống mương hở phía Đông trạm nghiền, kích thước (1,0m x 1,0m), dài khoảng 45 m.

- Hồ lắng thứ cấp phía Đông Nam dự án có tọa độ X = 1.532.809, Y = 593.341 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15'). Thể tích khoảng 400 m³ (diện tích x sâu = 200m² x 2,0m) Kết cấu: hồ đào, xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, tiếp nhận một phần nước mưa chảy tràn tại dự án để xử lý trước khi về hồ lắng phía Tây Dự án.

- Hồ lắng phía Tây dự án có tọa độ X = 1.532.788, Y = 593.229 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15'). Thể tích 6.000 m³ (Dài × Rộng × Sâu = 100m × 20m × 3m). Kết cấu: hồ đào, xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 3 ngăn để tăng hiệu quả lắng.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn tại phía Đông, Đông Bắc dự án → Hồ lắng thứ cấp phía Đông Nam → mương thoát nước → hồ lắng phía Tây → cống ngầm → thoát ra suối cạn.

+ Nước mưa chảy tràn tại phía Bắc, phía Nam và phía Tây dự án → mương, rãnh thoát nước, mương thoát nước 02 bên đường vận chuyển → hồ lắng phía Tây → cống ngầm → thoát ra suối cạn.

+ Nước mưa chảy tràn khu vực trạm nghiền → mương thoát nước → Hồ giảm tốc → cống ngầm → hồ lắng phía Tây → cống ngầm → thoát ra suối cạn.

Nước thải sau xử lý tại các hồ lắng đạt cột B, quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$, $K_f = 1$).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trên tuyến đường vận chuyển: Các xe vận chuyển che phủ bằng bạt, không để rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; sử dụng xe chuyên dụng tưới

nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn đường có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động giao thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác và trạm xay nghiền đá: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; lắp đặt hệ thống phun nước tự động để giảm bụi tại khu vực trạm nghiền và các khu vực khác dễ phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh giảm thiểu bụi tại khu vực văn phòng và ranh giới phía Tây mở.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt và phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đất bóc tầng phủ trong quá trình khai thác (phát sinh trong 03 năm đầu khai thác) bán cho các đơn vị có nhu cầu, không lưu chứa.

- Đá bụi phát sinh trong quá trình chế biến sử dụng cho quá trình trộn cấp phối và bán cho các đơn vị có nhu cầu, không lưu chứa.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại gần khu vực trạm nghiền, kết cấu như sau: Mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa (dán ký hiệu nhận biết), bên trong có trang bị các thiết bị lưu chứa (dán tên, mã chất thải nguy hại).

- Thực hiện thu gom tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, đưa vào khu vực lưu chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng/Đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT	4 cái	Đảm bảo an toàn	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác

STT	Nội dung công việc	Khối lượng/Đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
2	Thu dọn đá treo trên sườn tầng	609,5 m ³	Đảm bảo an toàn	Kết thúc khai thác toàn bộ dự án (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
3	Mua đất và san lấp hồ lầy phía Tây, hồ lầy thứ cấp phía Đông Nam và mương thoát nước	7.287,5 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	
4	Mua đất và san gạt mặt bằng dự án	18.000 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hồ sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	
5	Tháo dỡ cống qua đường	20 cống	Trả lại hiện trạng ban đầu	
6	Tháo dỡ trạm xay nghiền	01 trạm	Trả lại hiện trạng ban đầu	
7	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	3,0 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
8	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT	3,0 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác - Bản đồ địa hình khu vực dự án	

Ghi chú: Chủ dự án chịu trách nhiệm tháo dỡ các công trình và cải tạo phục hồi môi trường khi hết hạn thuê đất đối với diện tích 4.914,8 m² đất (ngoài diện tích khai trường) được UBND tỉnh cho thuê đất để xây dựng Trạm trộn bê tông nhựa và nhà nghỉ cho công nhân theo Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 20/12/2011.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **3.274.060.000 đồng** (Ba tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 08 lần (Lần 01, số tiền: 818.516.000 đồng; các lần còn lại, số tiền: 350.792.000 đồng).

- Theo Giấy xác nhận số 274/GXN-QBVMT ngày 30/11/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định thì số tiền Chủ dự án đã nộp ký quỹ cho dự án đến năm 2023 là 2.434.387.000 đồng; do vậy, số tiền ký quỹ (sau khi khấu trừ số tiền đã nộp), cụ thể như sau:

+ Lần 01 (thực hiện năm 2024): 0 (đồng).

+ Các lần 02, 03, 04, 05 (thực hiện vào các năm 2025, 2026, 2027, 2028): 0 (đồng). Tuy nhiên, Chủ dự án phải nộp tiền trượt giá hàng năm theo quy định; trong đó, số tiền gốc để làm căn cứ tính trượt giá là 350.792.000 đồng/năm.

+ Lần 06 (thực hiện năm 2029): 138.089.000 đồng. Trong đó, số tiền gốc để làm căn cứ tính trượt giá là 350.792.000 đồng.

+ Các lần 07, 08 (thực hiện vào các năm 2030, 2031): 350.792.000 đồng/năm.

- Thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Khai thác đến đâu thì bóc đất tầng phủ đến đó, để giữ lại lớp phủ thực vật hạn chế xói mòn.

- Tuân thủ quy trình, phạm vi khai thác.

- Cắm các biển cảnh báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực khai thác.

- Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ; di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân và triển khai khắc phục sự cố. Đồng thời, báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

- Giám sát thường xuyên sự cố sa bồi vào mùa mưa có khả năng ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu, suối phía Tây dự án; chất thải rắn khác theo đúng quy định.

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức triển khai khai thác, vận chuyển phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khi thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.